

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **57/2026/HNGĐ-ST**
Ngày 29 - 4 - 2026
“V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia
đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Văn Đức.

2. Bà Lang Thị Hằng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lang Thanh Như – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Trần Hoàng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2025/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2026/QĐXX-ST ngày 05 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2026/QĐST-HNGĐ ngày 30/03/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lang Thị T** – Sinh năm: 1992; CCCD: 040190037147.

Địa chỉ: **Xóm C, xã Q, tỉnh Nghệ An**. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Sầm Văn T1** – Sinh năm: 1991; CCCD: 040090035773.

Địa chỉ cư trú trước khi đi xuất cảnh: **Xóm C, xã Q, tỉnh Nghệ An**. (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

Hiện đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài không rõ địa chỉ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn xin ly hôn ngày 28/10/2025 và tại các Bản tự khai, nguyên đơn chị **Lang Thị T** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lang Thị T** và anh **Sầm Văn T1** tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 07/9/2010 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An (Nay là **xã Q, tỉnh Nghệ An**).

Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, quá trình chung sống hai vợ chồng cùng vun vun vén, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng đến năm 2023 vì lý do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, công việc và thu nhập không ổn định, vợ chồng thống nhất để anh **Sầm Văn T1** đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan để có thêm thu nhập. Trong những năm đầu anh **Sầm Văn T1** thường xuyên gửi thu nhập về hỗ trợ cho gia đình, chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Nhưng đến thời gian gần đây do vợ chồng xa cách lâu ngày có những mâu thuẫn không thể

hòa giải, tình cảm giữa vợ chồng ngày càng xa cách, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, nên anh **Sầm Văn T1** không còn gửi tiền về hỗ trợ gia đình và chăm sóc con chung. Đến nay chị **Lang Thị T** xác định tình cảm vợ chồng không còn nên viết đơn đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 10 – Nghệ An giải quyết ly hôn với anh **Sầm Văn T1**.

Về con chung: Chị **Lang Thị T** và anh **Sầm Văn T1** có 02 (hai) con chung tên là **Sầm Trung H**, sinh ngày 08/01/2010 và **Sầm Quỳnh N**, sinh ngày 14/01/2016. Các con chưa đủ 18 tuổi là học sinh, đang sống phụ thuộc bố mẹ nên chị **Lang Thị T** đề nghị giao hai con chung cho chị trực tiếp chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng, tạm thời không yêu cầu anh **Sầm Văn T1** thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị **Lang Thị T** không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án do điều kiện công việc, nơi ở đi lại xa xôi khó khăn nên nguyên đơn chị **T** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn anh **Sầm Văn T1**: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng qua người thân và tại nơi cư trú cuối cùng của anh **Sầm Văn T1** trước khi xuất cảnh ra nước ngoài theo quy định. Sau khi yêu cầu người thân cụ thể là ông **Sầm Văn T2**, địa chỉ: **xóm C, xã Q, tỉnh Nghệ An** là bố đẻ cung cấp địa chỉ, nơi cư trú của anh **Sầm Văn T1** tại nước ngoài người thân cho biết không rõ địa chỉ, qua những lần liên lạc về gia đình anh **T1** không cho biết địa chỉ cụ thể của mình tại nước ngoài. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập các tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ việc theo quy định.

Công văn số 4892/QLXNC-ĐT ngày 18/11/2025 về việc phối hợp xác minh thông tin XNC của **Phòng Q Công an tỉnh N** trả lời: Công dân **Sầm Văn T1**, sinh ngày: 02/9/1990, số CCCD: 040090035773, đã xuất cảnh ngày 07/6/2023 lần cuối qua **cửa khẩu sân bay Quốc tế N1** bằng hộ chiếu số P01525335, chưa có thông tin nhập cảnh trở lại Việt Nam.

Giấy xác nhận thông tin nơi cư trú, và các biên bản xác minh của **Công an xã Q** và **UBND xã Q**, tỉnh Nghệ An cung cấp thông tin: “Trước ngày xuất cảnh ra nước ngoài lần cuối vào ngày 07/6/2023, anh **Sầm Văn T1** có số CCCD: 040090035773 và hộ khẩu thường trú tại **Xóm C, xã Q, tỉnh Nghệ An**”.

Quá trình chung sống vợ chồng chị **T**, anh **T1** có mâu thuẫn thế nào chính quyền địa phương không rõ. Hiện nay anh **Sầm Văn T1** đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài (Đài loan).

Biên bản ghi lời khai của người thân bị đơn là ông **Sầm Văn T2** trình bày: Anh **Sầm Văn T1** là con ruột của ông **T2**, hiện nay anh **Sầm Văn T1** đang đi xuất khẩu lao động tại **Đ**, trong thời gian ở nước ngoài anh **T1** vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình qua ứng dụng mạng xã hội, tuy nhiên anh **T1** không cung cấp hoặc cho biết địa chỉ nơi mình đang cư trú, làm việc cụ thể. Sau khi nhận hộ các văn bản tố tụng ông thông tin cho anh **T1** biết để có ý kiến hoặc về tham gia tố tụng theo quy định, tuy nhiên anh **T1** vẫn không trở về và cho biết không đồng ý giải quyết ly hôn tuy nhiên không có văn bản xác nhận ý kiến cụ thể, đối với yêu cầu khởi kiện của chị **T** ông **T2** cho biết ông không rõ về mâu thuẫn giữa vợ chồng và đề nghị xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật đảm bảo quyền lợi cho các bên.

Ghi nhận ý kiến của các con chung, hai người con chung là **Sầm Trung H** và **Sầm Quỳnh N** trình bày: Việc bố mẹ mâu thuẫn ly hôn các con không có ý kiến gì, nếu bố mẹ ly hôn cháu **H** mong muốn được tiếp tục sống chung cùng bố và ông nội, cháu **N** mong muốn được tiếp tục ở cùng với mẹ. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh **Sầm Văn T1** không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với những yêu cầu khởi kiện của bị đơn, theo xác nhận của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh hiện nay anh **T1** đã xuất cảnh ra nước ngoài không có mặt trong nước tại thời điểm giải quyết, không đảm bảo điều kiện để giao chăm sóc, nuôi dưỡng con chung do đó cần giao các con cho chị **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, khi anh **T1** trở về nước nếu có yêu cầu thay đổi về người trực tiếp nuôi con hai bên có quyền tự thỏa thuận hoặc yêu cầu giải quyết bằng vụ việc khác.

Do anh **Sầm Văn T1** đang ở nước ngoài nên vụ việc thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được giữa các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, Điều 35; Khoản Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 469; Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/05/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQG14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ Hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị **Lang Thị T**, cho chị **Lang Thị T** ly hôn với anh **Sầm Văn T1**.

Về con chung: Giao các con chung là **Sầm Trung H**, sinh ngày 08/01/2010 và **Sầm Quỳnh N**, sinh ngày 14/01/2016 cho chị **Lang Thị T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 04 năm 2026 trở đi cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành; Tạm hoãn việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh **Sầm Văn T1**.

Về tài sản chung: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Buộc nguyên đơn chị **Lang Thị T** chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị **Lang Thị T** và anh **Sầm Văn T1** kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 07/9/2010 tại Ủy ban nhân dân xã **M**, huyện **Q**, tỉnh **Nghệ An** (nay là xã **Q**, tỉnh **Nghệ An**) theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, hôn nhân giữa hai bên tự nguyện và hợp pháp. Tranh chấp giữa chị **T** và anh **T1** được xác định là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị **Lang Thị T** có đơn xin ly hôn anh **Sầm Văn T1** cả hai đều có Quốc tịch Việt Nam, anh **Sầm Văn T1** có nơi đăng ký thường trú trước

khi xuất cảnh tại xóm C, xã Q, tỉnh Nghệ An, căn cứ vào Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Nghệ An.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn chị Lang Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ.

Bị đơn anh Sầm Văn T1 tại thời điểm giải quyết vụ án đang sinh sống, làm việc tại nước ngoài không rõ địa chỉ, sau khi được Tòa án yêu cầu cung cấp đại chỉ gia đình người thân không cung cấp được địa chỉ tại nước ngoài của anh T1. Công văn số 4892/QLXNC-Đ1 ngày 18/11/2025 về việc phối hợp xác minh thông tin XNC của Phòng Q Công an tỉnh N cung cấp thông tin: “Công dân Sầm Văn T1, sinh ngày: 02/9/1990, số CCCD: 040090035773, đã xuất cảnh ngày 07/6/2023 lần cuối qua cửa khẩu sân bay Quốc tế N1 bằng hộ chiếu số P01525335, chưa có thông tin nhập cảnh lại Việt Nam.

Vì vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục theo quy định, vụ việc được xác định thuộc trường hợp đương sự cố tình giấu địa chỉ, không cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu. Nên Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Lang Thị T và anh Sầm Văn T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống được một thời gian thì anh T1 đi lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Trong thời gian vợ chồng sống xa nhau, giữa hai bên nảy sinh nhiều mâu thuẫn, làm cho cuộc sống hôn nhân vợ chồng không hạnh phúc, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giải quyết cho chị Lang Thị T được ly hôn với anh Sầm Văn T1 là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Lang Thị T và anh Sầm Văn T1 có 02 (hai) con chung là Sầm Trung H, sinh ngày 08/01/2010 và Sầm Quỳnh N, sinh ngày 14/01/2016. Căn cứ vào nguyện vọng của con chung, ý kiến của nguyên đơn và hiện nay bị đơn đang ở nước ngoài không đảm bảo điều kiện giao chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, do đó cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao các con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với bị đơn là phù hợp. Khi bị đơn trở về nước nếu có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, hai bên tự thỏa thuận giải quyết hoặc có quyền yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định.

[5] Về tài sản chung: Chị Lang Thị T không yêu cầu giải quyết, anh Sầm Văn T1 vắng mặt. Việc nguyên đơn không yêu cầu giải quyết không nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ với nhà nước hoặc với bên thứ ba nên Hội đồng xét xử chấp nhận, nếu sau này giữa hai bên xảy ra tranh chấp hai bên có quyền tự thỏa thuận giải quyết và dành quyền yêu cầu giải quyết cho các bên bằng một vụ án khác.

[6] Án phí: Nguyên đơn chị Lang Thị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35; 39; 147; 207; 227; 228; 238; 271, 273, 469; 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 121, 122, 123 và 127 Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 10 Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị **Lang Thị T** ly hôn với anh **Sầm Văn T1**.

2. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung **Sầm Trung H**, sinh ngày 08/01/2010 và **Sầm Quỳnh N**, sinh ngày 14/01/2016 cho chị **Lang Thị T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục kể từ tháng 04 năm 2026 trở đi cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh **Sầm Văn T1**.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chung, khi có căn cứ hoặc có lý do chính đáng bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị **Lang Thị T** chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại cơ quan thi hành án tỉnh Nghệ An theo **B** lại thu tiền tạm ứng án phí số 0002237 ngày 04/11/2025.

4. Nguyên đơn chị **Lang Thị T** vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Bị đơn anh **Sầm Văn T1** vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- UBND xã Quế Phong, tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Văn Đông